

Bản án số: 110/2026/DS-PT
Ngày: 30 - 01 - 2026
V/v Tranh chấp chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Nguyễn Bích Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/01 và ngày 30/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 275/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 411/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 529/2024/QĐ-PT ngày 11/9/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 588/2024/TB-MLPT ngày 03/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 682/2024/QĐ-PT ngày 24/12/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 884/2025/TB-MLPT ngày 03/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 975/2025/QĐ-PT ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đỗ Đình Thái**, sinh năm 1963; *Có mặt.*

ĐKTT: Thôn Công Đình 3, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số nhà 74, phố Hàng Chiếu, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái: Ông **Tổng Tuấn Anh**, sinh năm 1976; Địa chỉ liên hệ: Phòng 1510 D2 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 06/01/2026. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thái: Luật sư **Nguyễn Quang Anh**, Công ty Luật TNHH Sao Việt, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 525B, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

Bị đơn: 1. Ông **Đỗ Đình Thông**, sinh năm 1960; *Có mặt.*

Địa chỉ: thôn Thái Bình, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thông: Luật sư **Ngô Quốc Hùng** và luật sư **Ngô Thị Thu Thiện**, Công ty Luật TNHH Ngô Thiện, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: 37/15/292 Hà Huy Tập, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội. *Luật sư Thiện có mặt.*

2. Bà **Vũ Thị Được**, sinh năm 1949; *Có mặt.*

3. Anh **Đỗ Việt Hùng**, sinh năm 1982 (con bà Được) - đã chết ngày 19/10/2024.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Hùng:

3.1. Bà **Vũ Thị Được**, sinh năm 1949; *Có mặt.*

Địa chỉ: Số 9P13, ngõ 103, đường Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số 12 ngõ 68 phố Thanh Lâm, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội.

3.2. Chị **Nguyễn Thanh Tú**, sinh năm 1995; *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ô 23 Lô 4 Đền Lừ II, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

3.3. Cháu **Đỗ Duy Phúc**, sinh ngày 10/8/2018;

Người đại diện hợp pháp của cháu Phúc: Chị **Nguyễn Thanh Tú**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ô 23 Lô 4 Đền Lừ II, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

4. Chị **Đỗ Thị Cẩm Hà**, sinh năm 1973 (con bà Được); *Vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/01/2026 và có mặt tại phiên tòa ngày 30/01/2026.*

Địa chỉ: Số 9P13, ngõ 103, đường Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số 198 đường Đông Hội, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

5. Chị **Đỗ Thị Thương Huyền**, sinh năm 1977 (con bà Được); *Vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/01/2026 và có mặt tại phiên tòa ngày 30/01/2026.*

Địa chỉ: Tổ 4, phường Lĩnh Nam, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Số 12 ngõ 68 phố Thanh Lâm, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đỗ Thị Tân**, sinh năm 1954; *Có mặt.*

Địa chỉ: Số nhà 52 đường Nguyễn Thời Chung, dãy A2, Tổ 16, phường Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Bà **Đỗ Thị Kim**, sinh năm 1957; *Có mặt.*

Địa chỉ: Xóm Thượng, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3. Bà **Đỗ Thị Hiền**, sinh năm 1962; *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn Lại Đà, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4. Bà **Đỗ Thị Mai**, sinh năm 1965; *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 3, xã Thiên Đức, thành phố Hà Nội.

5. Bà **Đỗ Thị Cúc**, sinh năm 1968; *Vắng mặt*.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Thiên Đức, thành phố Hà Nội.

6. Bà **Đỗ Thị Chúc**, sinh năm 1975; *Vắng mặt*.

Địa chỉ: Thôn Cung Đình, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Chúc: Ông **Đỗ Đình Thái**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà 74, phố Hàng Chiếu, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 06/4/2022. *Có mặt*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chúc: Luật sư **Nguyễn Quang Anh**, Công ty Luật TNHH Sao Việt. Địa chỉ: Số 525B, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*.

7. Bà **Nguyễn Thị Phương**, sinh năm 1962 (vợ ông Thông); *Có mặt*.

8. Anh **Đỗ Việt Dũng**, sinh năm 1985 (con ông Thông, bà Phương); *Có mặt*.

9. Anh **Đỗ Việt Thành**, sinh năm 1987 (con ông Thông, bà Phương); *Vắng mặt*.

10. Chị **Đỗ Thị Hồng Trang**, sinh năm 1993; *Vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/01/2026 và có mặt tại phiên tòa ngày 30/01/2026*

11. Chị **Đào Thị Mai**, sinh năm 1991 (vợ anh Dũng); *Vắng mặt*.

12. Chị **Nguyễn Thị Nhung**, sinh năm 1988 (vợ anh Thành); *Vắng mặt*.

13. Cháu **Đỗ Đăng Khoa**, sinh năm 2010 (con anh Dũng, chị Mai);

Người đại diện theo pháp luật của cháu Khoa: Anh **Đỗ Việt Dũng**, sinh năm 1985 và chị **Đào Thị Mai**, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: Thôn Thái Bình, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội. *Anh Dũng có mặt*.

14. Cháu **Đỗ Hải Đăng**, sinh năm 2007 (con anh Thành, chị Nhung);

15. Cháu **Đỗ Hải Nam**, sinh năm 2013 (con anh Thành, chị Nhung);

16. Cháu **Đỗ Trung Kiên**, sinh năm 2018 (con anh Thành, chị Nhung);

Cùng địa chỉ: Thôn Thái Bình, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đăng, cháu Nam, cháu Kiên: Anh **Đỗ Việt Thành**, sinh năm 1987 và chị **Nguyễn Thị Nhung**, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: Thôn Thái Bình, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt*.

17. Bà **Vũ Thị Vân**, sinh năm 1958. *Vắng mặt*.

Địa chỉ: Số 10, ngõ 127, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là ông Đỗ Đình Thái và kháng cáo của bị đơn là ông Đỗ Đình Thông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

*** Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, đối chất và hòa giải, ông Đỗ Đình Thái trình bày:**

Bố đẻ ông là cụ Đỗ Ngọc Minh (chết ngày 02/12/1996); Mẹ đẻ ông là cụ Vũ Thị Tân (chết ngày 15/5/2008). Ngoài ra bố ông còn có một người vợ nữa là cụ

Lê Thị Xuân (chết ngày 19/4/2009). Cụ Minh sống cùng với cả cụ Tấn và cụ Xuân, tuy nhiên cụ Minh kết hôn với cụ Xuân trước rồi mới kết hôn với cụ Tấn. Ông không nhớ được thời gian cụ Minh kết hôn với cụ Xuân và cụ Tấn, tuy nhiên theo như năm sinh của các con thì cụ Minh kết hôn với cụ Xuân trước năm 1952 và kết hôn với cụ Tấn trước năm 1963.

Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Lê Thị Xuân sinh được 5 người con lần lượt là:

1. Ông Đỗ Đình Tạo (sinh năm 1952; đã chết năm 2010). Ông Tạo có vợ là bà Vũ Thị Được (sinh năm 1949). Bà Được và ông Tạo sinh được 3 người con là: Chị Đỗ Thị Cẩm Hà (sinh năm 1973); chị Đỗ Thị Thương Huyền (sinh năm 1977) và anh Đỗ Việt Hùng (sinh năm 1982). Ông Tạo sinh ra và lớn lên trên phần đất tranh chấp. Ông Tạo kết hôn với bà Được năm 1971, sau khi kết hôn do ông Tạo, bà Được là quân nhân nên không sinh sống trên đất, sau này ông Tạo và bà Được sinh sống ở riêng nơi khác.

2. Bà Đỗ Thị Tân (sinh năm 1954); Nơi ở: Tổ 16, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Bà Tân sinh ra và lớn lên trên phần đất tranh chấp. Bà Tân kết hôn từ khoảng năm 1980. Sau khi kết hôn bà Tân không còn sinh sống trên đất nữa.

3. Bà Đỗ Thị Kim (sinh năm 1957; Nơi ở: Xóm Thượng, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Bà Kim sinh ra và lớn lên trên phần đất tranh chấp. Bà Kim kết hôn khoảng năm 1980. Sau khi kết hôn bà Kim chuyển về nhà chồng sinh sống.

4. Ông Đỗ Đình Thông (sinh năm 1960). Ông Thông sinh ra và lớn lên trên phần đất tranh chấp. Ông Thông kết hôn với bà Nguyễn Thị Phương (sinh năm 1962). Ông Thông, bà Phương có 03 con gồm: Anh Đỗ Việt Dũng (sinh năm 1985); Anh Đỗ Việt Thành (sinh năm 1987) và chị Đỗ Thị Hồng Trang (sinh năm 1993).

5. Bà Đỗ Thị Hiền (sinh năm 1962). Bà Hiền sinh ra và lớn lên trên phần đất tranh chấp này. Bà Hiền kết hôn năm nào thì ông không nhớ nhưng sau khi kết hôn thì bà Hiền chuyển về nhà chồng sinh sống.

Đến khoảng năm 1972 – 1973, do cụ Xuân và cụ Minh có nhiều khúc mắc hơn nữa lúc đó do gia đình khó khăn cụ Xuân phải đi buôn bán ở nhiều nơi nên không thường xuyên ở trên đất. Đến khi cụ Minh chết là năm 1996 thì cụ Xuân mới về và ở trên đất đến chết.

Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Vũ Thị Tấn sinh được 4 người con lần lượt là:

1. Ông là Đỗ Đình Thái (sinh năm 1963). Ông sinh ra trên phần đất tranh chấp. Đến năm 1972, do chiến tranh bom đạn nên cụ Tấn đưa ông cùng bà Mai, bà Cúc đi di tản về Đình Xuyên, Gia Lâm. Sau này ông có thời gian quay lại

phần đất tranh chấp để sinh sống nhưng không thường xuyên và liên tục.

2. Bà Đỗ Thị Mai (sinh năm 1965). Bà Mai sinh ra trên phần đất tranh chấp. Đến năm 1972, do chiến tranh bom đạn nên cụ Tấn đưa bà Mai đi di tản về Đình Xuyên, Gia Lâm.

3. Bà Đỗ Thị Cúc (sinh năm 1968); Bà Cúc sinh ra trên phần đất tranh chấp. Đến năm 1972, do chiến tranh bom đạn nên cụ Tấn đưa bà Cúc đi di tản về Đình Xuyên, Gia Lâm.

4. Bà Đỗ Thị Chúc (sinh năm 1975); Bà Chúc không sinh ra và lớn lên trên phần đất tranh chấp vì lúc sinh bà Chúc thì cụ Tấn đã chuyển về Đình Xuyên, Gia Lâm sinh sống.

Cụ Vũ Thị Tấn trước khi lấy cụ Đỗ Ngọc Minh đã có 01 con riêng là bà Vũ Thị Vân (sinh năm 1958; Nơi ở: xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình). Khi cụ Tấn về ở với cụ Minh thì bà Vân không sinh sống cùng cụ Tấn mà ở với bố đẻ của mình là chồng cũ của cụ Tấn là người Thái Bình.

Thực tế do cụ Xuân và cụ Tấn chỉ sống cùng với nhau và cùng với cụ Minh trên thửa đất một thời gian thì cụ Tấn đưa các con đi di tản về Đình Xuyên, Gia Lâm nên cụ Xuân không chăm sóc các con chung của cụ Tấn và cụ Minh và cụ Tấn cũng không chăm sóc các con chung của cụ Xuân và cụ Minh.

Ngoài những người con kể trên thì cụ Minh, cụ Xuân và cụ Tấn không có người con chung, con riêng và con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội có nguồn gốc của gia đình cụ Đỗ Ngọc Minh để lại từ đời này sang đời khác. Cụ Minh, cụ Xuân và cụ Tấn đều cùng sinh sống và sinh ra những người con chung trên thửa đất này.

Cụ Minh sinh ra trên thửa đất này, khi còn nhỏ cụ Minh ở tại gian nhà do tổ tiên để lại. Vào khoảng những năm 1970, do nhà trên đất cũ nát nên cụ Minh xây gian nhà 5 gian gạch lợp lá. Sau này ngôi nhà 5 gian bị cháy nên đến khoảng năm 1989-1990 gia đình có xây nhà 3 gian tường gạch, lợp ngói móc, còn cụ thể ai là người xây dựng gian nhà nay thì ông không biết vì lúc đó ông đang đi bộ đội nên không có mặt ở địa phương. Hiện nay ngôi nhà này vẫn còn.

Cụ Minh chết năm 1996 và chết tại gian nhà 3 gian mà cụ xây dựng trên thửa đất này, trước khi chết, ngày 06/10 năm Bính Tý (16/11/1996), cụ Minh lập chúc thư với nội dung chính là: Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có diện tích 2 sào bắc bộ (tương đương 720m²); trên đất có 3 gian nhà gạch (do cụ Minh xây dựng); việc phân chia đất như sau: (1) Ông Đỗ Đình Thông được sử dụng một phần

thừa đất tại vị trí: Phía Tây có một phần giáp nhà ông Lưu Ngọc Cư; (2) Ông Đỗ Đình Tạo được sử dụng một phần ở giữa + ba gian nhà (nhà cụ Minh xây dựng) để thờ cúng tổ tiên là trách nhiệm + lúc cụ Minh chết chịu trách nhiệm tổng chung; (3) Phần đất giáp Công trường Đông Anh chia cho bà Vũ Thị Tấn, Đỗ Thị Chúc một phần làm nơi đất ở. Mặt sau của Chúc thư ghi các ngày giỗ của tổ tiên. Ông chỉ giao nộp được bản phô tô của chúc thư này vì ông Tạo là người giữ bản gốc của văn bản này. Sau này ông Tạo chết thì ông không biết ai giữ văn bản này. Bản phô tô chúc thư này do ông Tạo đưa ông năm 2007, còn thực tế ông chưa được nhìn thấy bản gốc. Sau khi ông biết được cụ Minh có chúc thư thì ông có thông báo với các anh chị em trong gia đình. Sau khi được biết thì cụ Xuân và cụ Tấn không có ý kiến gì vì các cụ đã cao tuổi, còn các anh chị em trong gia đình ông đề nghị họp lại để có sự thống nhất nhưng không thành vì chưa thống nhất được việc phân chia. Như ông được biết có 2 ông chú họ là cụ Đỗ Ngọc Lâm (khoảng hơn 80 tuổi, nơi ở: Thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) và cụ Đỗ Ngọc Mi (khoảng gần 90 tuổi, nơi ở: Thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) đã từng nói chuyện với ông về việc các cụ đã được xem bản gốc của bản chúc thư này và đã góp ý với cụ Minh, còn đóng góp cụ thể như thế nào thì ông không biết. Bà Được đã giao nộp cho Tòa án bản chính của chúc thư này như đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, ông không biết tại sao bản chính bản chúc thư này không có mặt sau. Đến nay ông có ý kiến như sau: Ông đề nghị Tòa án chia thừa kế theo bản chúc thư này vì bản chúc thư này đúng là của cụ Minh viết. Theo bản chúc thư này thì: ông Thông được chia tại vị trí phía Tây Nam đất; ông Tạo được chia phần đất hiện nay ông Thông đang quản lý sử dụng gồm nhà cấp 4, nhà 2 tầng 1 tum kéo thẳng từ Bắc xuống nam đất; Mẹ ông là cụ Tấn và bà Chúc được chia phần đất bao gồm toàn bộ phần đất hiện nay gia đình ông Tạo quản lý, sử dụng và phần đất vườn phía Đông thừa đất. Phần đất cụ Tấn và bà Chúc được cho chung nên mỗi người được chia một nửa phần đất được chia theo di chúc của cụ Minh. Trong di chúc này ghi nhận phần đất của bố ông để lại gồm 2 sào bắc bộ là 720m² tuy nhiên thực tế thừa đất này được ghi nhận trong bản đồ địa chính là 677m² nên ông đề nghị Tòa án giải quyết trên phần diện tích được ghi nhận trong bản đồ địa chính. Về nguồn gốc thừa đất ông giữ nguyên ý kiến như trên và xác định chỉ một mình cụ Minh có quyền sở hữu đối với thừa đất này.

Cụ Minh chết trên thừa đất này, sau khi cụ Minh chết khoảng 1-2 năm thì ông Tạo trở về thừa đất tranh chấp để xây dựng nhà 2 tầng. Sau khi xây dựng xong nhà thì ông Tạo sinh sống trên đất còn vợ con ông Tạo thì chỉ thỉnh thoảng

về. Khi ông Tạo xây dựng thì cụ Xuân vẫn sinh sống trên đất và sống trên gian nhà 3 gian mà cụ Minh xây dựng. Khi ông Tạo xây nhà thì bà Đỗ Thị Chúc có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp để dừng việc xây dựng vì cụ Minh đã có chúc thư phân chia đất nhưng ông Tạo không thực hiện đúng. Ông Tạo chết nguyên dân do bệnh ung thư và ông không chết trên đất mà chết ở nhà tại phường Lĩnh Nam.

Ông Thông xây dựng nhà 02 tầng 1 tum trên đất trên thửa đất tranh chấp từ năm 2010. Khi ông Thông xây dựng thì cụ Xuân và cụ Tấn đã chết. Thời điểm đó anh em ông không có ai có đơn đề nghị chính quyền địa phương ngăn chặn xây dựng vì lúc đó anh em ông không ai biết ông Thông xây dựng nhà trên đất.

Năm 2009, ông Tạo kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên thì bà Chúc có đơn đề nghị dừng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi tới UBND xã Mai Lâm. Sau đó UBND xã Mai Lâm đã tổ chức hòa giải và trả lời kết quả hòa giải theo Thông báo số 14/TB-UBND ngày 25/01/2011 của UBND xã Mai Lâm.

Cụ Vũ Thị Tấn chết năm 2008, khi chết cụ Tấn không để lại di chúc. Cụ Lê Thị Xuân chết năm 2009, khi chết cụ Xuân không để lại di chúc. Trước khi chết cả cụ Tấn và cụ Xuân không xây dựng thêm trên đất công trình nào khác.

Cụ Minh khi còn sống ở tại gian nhà 3 gian tường gạch, lợp ngói móc (ngôi nhà hiện nay vẫn còn), trước khi chết thì cụ Minh ở riêng nhưng vẫn do gia đình ông Thông chăm sóc vì gia đình ông Thông thường xuyên ở trên đất. Cụ Xuân khi còn sống cũng ở tại gian nhà 3 gian tường gạch, lợp ngói móc (ngôi nhà hiện nay vẫn còn), trước khi chết cụ Xuân ở riêng nhưng ăn chung cùng gia đình ông Thông và do gia đình ông Thông thường xuyên chăm sóc.

Cụ Tấn trước khi chết sinh sống với ông tại 74 Hàng Chiếu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Cụ Tấn cũng chết tại đây.

Ông đã được Tòa án công khai đối với bản di chúc của cụ Xuân lập ngày 28/12/2008, ông xác định bản di chúc này không phải do cụ Xuân lập và cụ Xuân không biết chữ nên ông không công nhận bản di chúc này. Ông không yêu cầu giám định chữ viết trong di chúc của cụ Xuân và dấu vân tay của cụ Xuân trong văn bản này.

Đến nay ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích 677m² thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) theo di chúc của cụ Minh để lại. Ông yêu cầu chia thừa kế đối với cụ Vũ Thị Tấn phần di sản thừa kế mà cụ Tấn được hưởng của cụ Minh theo di chúc và ông đề nghị được hưởng bằng hiện vật.

Trong trường hợp các bản di chúc không được Tòa án công nhận thì ông đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật, để cho ông được hưởng bằng đất và đề nghị chia cho ông, bà Đỗ Thị Mai, Đỗ Thị Cúc và Đỗ Thị Chúc hưởng chung phần thừa kế và ông là người đại diện nhận.

Đối với các tài sản do cụ Minh, cụ Xuân, cụ Tấn xây dựng thì ông không yêu cầu chia thừa kế vì giá trị nhỏ. Nếu tài sản này nằm vào phần đất của ai được chia thì người đó sẽ được sử dụng tài sản này.

*** Bị đơn ông Đỗ Đình Thông trình bày:**

Bố ông là cụ Đỗ Ngọc Minh (chết ngày 02/12/1996); mẹ ông là cụ Lê Thị Xuân (chết ngày 19/4/2009). Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Lê Thị Xuân sinh được 5 người con, họ tên và năm sinh của những người này đúng như ông Thái đã trình bày. Cụ Minh và cụ Xuân không có con nuôi, cụ Xuân không có con riêng nào khác.

Cụ Tấn có phải là vợ hai của ông Minh hay không thì ông không khẳng định vì cụ Tấn không sinh sống với ông Minh tại thửa đất hiện nay đang tranh chấp, còn việc cụ Minh và cụ Tấn có sinh sống với nhau ở nơi khác hay không thì ông không nắm rõ. Tòa án cũng đã cho ông xem giấy khai sinh bản sao của ông Thái, bà Mai, bà Cúc và bà Chúc có ghi tên bố đẻ là cụ Đỗ Ngọc Minh và mẹ đẻ là cụ Vũ Thị Tấn, tuy nhiên ông chỉ biết ông Thái đúng là con của cụ Minh vì khi còn bé cụ Minh có đưa ông Thái về nhà để gặp gỡ anh em, còn bà Mai, bà Cúc và bà Chúc có phải là con của cụ Minh hay không thì ông không khẳng định được. Tòa án đã giải thích quy định pháp luật cho ông về việc ông có quyền yêu cầu giám định ADN đối với bà Mai, bà Cúc, bà Chúc để xác nhận việc các bà có phải là con của cụ Minh hay không, Tòa án cũng đã cho ông thời gian để làm đơn yêu cầu giám định nhưng ông xác định không yêu cầu giám định ADN đối với bà Mai, bà Cúc, bà Chúc vì những người này có trách nhiệm phải chứng minh mình là con của cụ Minh thì mới được hưởng thừa kế của cụ Minh.

Về nguồn gốc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội), ông đồng ý với lời khai của ông Thái về nguồn gốc thửa đất này, tuy nhiên ông xác định thửa đất này được để lại cho cụ Minh và cụ Xuân chứ không phải chỉ để lại cho cụ Minh như ông Thái đã trình bày.

Cụ Minh sinh ra trên thửa đất này, khi còn nhỏ cụ Minh ở tại gian nhà do tổ tiên để lại. Vào khoảng những năm 1970, do nhà trên đất cũ nát thì cụ Minh và cụ Xuân xây gian nhà 4 gian gạch lợp lá. Sau này ngôi nhà 4 gian bị cháy thì cụ Minh chuyển sang ở nhờ hàng xóm còn cụ Xuân đi chợ buôn bán xa nên chỉ

thỉnh thoảng mới về nhà. Còn ông dựng một nhà tạm để ở trên đất, khi về thì cụ Xuân ở cùng ông tại gian nhà tạm này. Đến khoảng năm 1977, ông bắt đầu xây mới ngôi nhà 3 gian tường gạch, lợp ngói móc. Tuy nhiên, ông xây dựng ngôi nhà này trong vòng nhiều năm chứ không phải chỉ trong năm 1977. Sau khi xây dựng xong ngôi nhà thì cụ Minh chuyển về ngôi nhà này để sinh sống. Còn ông vẫn sống ở gian nhà tạm như ông đã trình bày ở trên. Còn cụ Xuân vẫn đi buôn bán xa nên chỉ thỉnh thoảng mới về và khi về thì cụ Xuân ở với ông ở nhà tạm.

Cụ Minh sinh sống và khi chết vẫn ở tại ngôi nhà 3 gian do ông xây dựng. Sau này, sau khi cụ Minh chết thì cụ Xuân sinh sống ở gian nhà này và cụ Xuân cũng chết tại đây. Do cụ Xuân và cụ Minh khi sống với nhau có những khúc mắc nên cụ Xuân và cụ Minh không ở cùng chung một nhà nhưng vẫn ở cùng trên thửa đất này. Cụ Minh ở tại gian nhà 3 gian do ông xây dựng còn cụ Xuân ở cùng với ông mỗi khi cụ đi buôn bán về. Do ông sinh sống trên đất liên tục từ nhỏ nên ông và gia đình ông là người chăm sóc cụ Minh, cụ Xuân trước khi các cụ chết.

Ông xác định cụ Minh chết không để lại di chúc. Đối với bản chúc thư của cụ Minh ngày 06/10 năm Bính Tý (16/11/1996) không biết có phải cụ của Minh viết hay không nên không có giá trị.

Đến khoảng năm 2010 vợ chồng ông xây dựng các công trình trên đất trong khuôn viên gia đình ông quản lý, sử dụng như Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ. Ngoài ra ông còn xây dựng một gian nhà cấp 4 và tường bao ở phía Đông đất vào khoảng năm 2012.

Sau khi cụ Minh chết khoảng 1-2 năm thì ông Tạo trở về thửa đất tranh chấp để xây dựng nhà 2 tầng và các công trình khác. Sau khi xây dựng xong nhà thì ông Tạo sinh sống trên đất còn vợ con ông Tạo thì chỉ thỉnh thoảng về. Khi ông Tạo xây dựng thì cụ Xuân vẫn sinh sống trên đất và sống trên gian nhà 3 gian do ông xây dựng. Thời điểm ông Tạo xây dựng nhà và các công trình trên đất thì ông đi làm xa nên không biết việc ông Tạo xây dựng nhà như thế nào, trong khoảng thời gian bao lâu và có tranh chấp với ai trong việc xây dựng không.

Cụ Xuân chết năm 2009. Trước khi chết, ngày 28/12/2008 cụ Xuân có để lại di chúc là Giấy di chúc như ông đã giao nộp cho Tòa án. Di chúc này do người khác viết cho cụ Xuân vì cụ Xuân không biết chữ. Tại Giấy di chúc có dấu vân tay của cụ Xuân và xác nhận của trưởng thôn lúc đó là ông Nguyễn Thế Quýnh. Thực tế bản di chúc của cụ Xuân do ông tìm được sau khi cụ Xuân chết nên ông không biết được cụ Xuân có viết, hoặc chứng kiến người khác viết và tự nguyện điểm chỉ vào bản di chúc này không. Vì vậy, ông không đồng ý với bản

di chúc của cụ Xuân.

Trong trường hợp theo quy định của pháp luật không công nhận các văn bản di chúc như ông và bà Được giao nộp thì ông đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật. Trong mọi trường hợp ông đề nghị Tòa án cho ông được hưởng bằng hiện vật (bằng đất) và cho ông và gia đình tiếp tục quản lý, sử dụng khuôn viên đất, nhà như gia đình ông vẫn đang sử dụng. Nếu phần đất ông được hưởng nhiều hơn giá trị phần di sản thừa kế ông được hưởng theo quy định pháp luật thì ông sẽ thanh toán phần chênh lệch cho những người khác và ngược lại nếu phần đất ông được hưởng thấp hơn giá trị phần di sản thừa kế ông được hưởng theo quy định pháp luật thì ông đề nghị những người khác trả lại cho ông giá trị thiếu bằng tiền. Đối với ngôi nhà cấp 4 do ông xây dựng và các đường sự không yêu cầu chia đối với ngôi nhà này nên ông không có ý kiến, yêu cầu gì đối với ngôi nhà cấp 4 này. Tòa án có giải thích cho ông về việc nếu Tòa án chia cho ông phần đất hiện nay ông đang quản lý, sử dụng thì sẽ dẫn đến việc ông chưa có lối đi ra phía đường làng. Tuy nhiên ông vẫn giữ nguyên quan điểm và nếu được chia ông sẽ phá dỡ một phần nhà cấp 4 gần đường làng để tự mở lối đi. Ông xin tự chịu trách nhiệm với ý kiến của mình và đề nghị Tòa án xem xét ý kiến của ông.

**** Bị đơn bà Vũ Thị Được trình bày:***

Về quan hệ gia đình: Bà đồng ý phần trình bày của ông Thái về quan hệ gia đình. Theo đó, cụ Minh, cụ Xuân sinh được 5 người con còn cụ Minh và cụ Tấn sinh được 4 người con. Họ tên và năm sinh những người con đúng như ông Thái đã trình bày. Bà không biết rõ cụ Tấn nên bà không biết được cụ Tấn có người con riêng nào khác nữa không. Tuy nhiên trong bản chúc thư của cụ Minh ghi nhận cụ Minh có 2 bà vợ và có 9 người con nên bà cũng công nhận cụ Minh có 2 người vợ và 9 người con.

Về nguồn gốc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay là xã Đông Anh: thửa đất có nguồn gốc của gia đình cụ Đỗ Ngọc Minh để lại từ đời này sang đời khác.

Cụ Minh sinh ra trên thửa đất này, khi còn nhỏ cụ Minh ở tại gian nhà do tổ tiên để lại. Vào khoảng những năm 1970, do nhà trên đất cũ nát thì cụ Minh xây gian nhà 5 gian gạch lợp lá. Sau này ngôi nhà 5 gian bị cháy nên đến khoảng năm 1989-1990 cụ Minh xây nhà 3 gian tường gạch, lợp ngói móc. Hiện nay ngôi nhà này vẫn còn. Ngoài ra cụ Minh còn xây sân gạch nhưng đã bị ông Thông phá dỡ nên không còn nữa.

Cụ Minh chết năm 1996 và chết tại gian nhà 3 gian mà cụ xây dựng trên thửa đất này, trước khi chết, ngày 06/10 năm Bính Tý (16/11/1996), cụ Minh lập

chức thư với nội dung chính là: Thừa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có diện tích 2 sào bắc bộ (tương đương 720m²); trên đất có 3 gian nhà gạch (do cụ Minh xây dựng); việc phân chia đất như sau: (1) Ông Đỗ Đình Thông được sử dụng một phần thửa đất tại vị trí: Phía Tây có một phần giáp nhà ông Lưu Ngọc Cư; (2) Ông Đỗ Đình Tạo được sử dụng một phần ở giữa + ba gian nhà (nhà cụ Minh xây dựng) để thờ cúng tổ tiên là trách nhiệm + lúc cụ Minh chết chịu trách nhiệm tổng chung; (3) Phần đất giáp Công trường Đông Anh chia cho bà Vũ Thị Tấn, Đỗ Thị Chúc một phần làm nơi đất ở. Mặt sau của Chức thư ghi các ngày giỗ của tổ tiên. Bà giữ bản gốc bản chức thư này và đã giao nộp cho Tòa án. Bản chức thư này chia phần đất tranh chấp thành 3 phần: Một phần cho ông Thông đứng vị trí ông Thông đang quản lý, sử dụng, một phần chia cho ông Tạo đứng phần ông Tạo đang quản lý, sử dụng và một phần cho cụ Tấn, bà Chúc tại vị trí phía Đông đất. Trong bản chức thư có ghi phần đất này có diện tích 2 sào bắc bộ là 720m² tuy nhiên thực tế phần đất này trên bản đồ địa chính chỉ là 677m² nên đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng phần diện tích là 677m². Đối với ngôi nhà cấp 4 và phần đất có ngôi nhà cấp 4 được giao cho ông Tạo theo di chúc hiện nay này trên phần đất của gia đình ông Thông quản lý, sử dụng thì bà để lại cho ông Thông tiếp tục quản lý, sử dụng và không yêu cầu được nhận ngôi nhà cấp 4 và phần đất có ngôi nhà này.

Cụ Minh chết trên thửa đất này, sau khi cụ Minh chết khoảng 1-2 năm thì ông Tạo chồng bà trở về thửa đất hiện nay đang tranh chấp để xây dựng nhà 2 tầng. Sau khi xây dựng xong nhà thì chồng bà sinh sống trên đất còn bà và các con vẫn về trên đất thường xuyên. Khi ông Tạo xây dựng thì cụ Xuân vẫn sinh sống trên đất và sống trên gian nhà 3 gian mà cụ Minh xây dựng. Khi chết thì chồng bà chết trên thửa đất này.

Ông Thông xây dựng nhà 02 tầng 1 tum trên đất trên thửa đất tranh chấp từ năm 2010. Khi ông Thông xây dựng thì cụ Xuân và cụ Tấn đã chết. Thời điểm đó bà không biết việc ông Thông xây dựng nhà trên đất.

Năm 2009, chồng bà ông Tạo kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên thì bà Chúc có đơn đề nghị dừng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi tới UBND xã Mai Lâm. Sau đó UBND xã Mai Lâm đã tổ chức hòa giải và trả lời kết quả hòa giải theo Thông báo số 14/TB-UBND ngày 25/01/2011 của UBND xã Mai Lâm.

Cụ Vũ Thị Tấn chết năm 2008, khi chết cụ Tấn không để lại di chúc. Cụ Lê Thị Xuân chết năm 2009, khi chết cụ Xuân không để lại di chúc. Trước khi chết cụ Tấn và cụ Xuân không xây dựng thêm công trình nào khác trên đất. Tòa án

công khai về bản chính di chúc của cụ Xuân do ông Thông giao nộp nhưng bà không đồng ý với bản di chúc này vì cụ Xuân không biết chữ nên không thể viết được bản di chúc này. Bà đã được Tòa án giải thích về việc bà có quyền yêu cầu giám định chữ viết, dấu vân tay của cụ Xuân trong bản di chúc này nhưng bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, dấu vân tay trong bản di chúc này.

Bà đề nghị Tòa án chia thừa kế của cụ Minh theo bản chúc thư của cụ Minh để lại vì toàn bộ diện tích của thửa đất này là tài sản của tổ tiên truyền từ đời này sang đời khác và sau này để lại cho cụ Minh. Trong trường hợp theo pháp luật không công nhận bản chúc thư mà phải giải quyết thừa kế theo quy định pháp luật thì bà đề nghị được hưởng bằng đất và đề nghị chia cho bà phần diện tích đất hiện nay gia đình bà đã xây nhà 02 tầng 01 tum và đã có khuôn viên riêng. Và bà đề nghị Tòa án chia để đảm bảo phần đất mà bà và gia đình được hưởng đúng bằng giá trị di sản thừa kế mà chồng bà là ông Tạo được hưởng.

Đối với các tài sản do cụ Minh, cụ Xuân, cụ Tấn xây dựng thì bà không yêu cầu chia thừa kế vì giá trị nhỏ. Nếu tài sản này nằm vào phần đất của ai được chia thì người đó sẽ được sử dụng tài sản này.

*** Bị đơn Anh Đỗ Việt Hùng, chị Đỗ Thị Cẩm Hà và chị Đỗ Thị Thương Huyền:** đồng ý với ý kiến của bà Được và không có ý kiến, yêu cầu gì khác trong vụ án này.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đỗ Thị Kim trình bày: Bố bà là cụ Đỗ Ngọc Minh (chết ngày 02/12/1996); mẹ bà là cụ Lê Thị Xuân (chết ngày 19/4/2009). Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Lê Thị Xuân sinh được 5 người con, họ tên và năm sinh của những người này đúng như ông Thái đã trình bày. Cụ Minh và cụ Xuân không có con nuôi, cụ Xuân không có con riêng nào khác.

Cụ Tấn có phải là vợ hai của ông Minh hay không thì bà không khẳng định vì cụ Tấn không sinh sống với ông Minh tại thửa đất hiện nay đang tranh chấp, còn việc cụ Minh và cụ Tấn có sinh sống với nhau ở nơi khác hay không thì bà không nắm rõ. Tòa án cũng đã cho bà xem giấy khai sinh bản sao của ông Thái, bà Mai, bà Cúc và bà Chúc có ghi tên bố đẻ là cụ Đỗ Ngọc Minh và mẹ đẻ là cụ Vũ Thị Tấn, tuy nhiên bà xác định chỉ có ông Thái là con của cụ Minh vì cụ Minh có dẫn ông Thái về nhà khi ông Thái còn bé và giới thiệu ông Thái là con. Còn cụ Tấn là mẹ đẻ ông Thái chỉ có quan hệ ngoài luồng với bố bà là cụ Minh nên bà không nhận cụ Tấn là vợ của cụ Minh. Bà Mai, bà Cúc, bà Chúc có phải là con đẻ của cụ Minh hay không thì bà không biết. Tòa án đã giải thích quy định pháp luật cho bà về việc bà có quyền yêu cầu giám định ADN đối với bà Mai, bà Cúc, bà Chúc để xác nhận việc các bà có phải là con của cụ Minh hay

không, Tòa án cũng đã cho bà thời gian để tôi làm đơn yêu cầu giám định nhưng đến nay bà xác định bà không yêu cầu giám định ADN đối với bà Mai, bà Cúc, bà Chúc vì các bà này có trách nhiệm phải chứng minh mình là con của cụ Minh thì mới được hưởng thừa kế của cụ Minh.

Về nguồn gốc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội: Bà đồng ý với lời khai của ông Thái về nguồn gốc thửa đất này, tuy nhiên bà xác định thửa đất này được tổ tiên để lại cho cụ Minh và cụ Xuân chứ không phải chỉ để lại cho cụ Minh như ông Thái đã trình bày. Bà đồng ý với lời khai của ông Thái về quá trình sử dụng thửa đất như ông Thái đã trình bày.

Bà xác định cụ Minh chết không để lại di chúc. Đối với bản chúc thư của cụ Minh ngày 06/10 năm Bính Tý (16/11/1996) mà Tòa án đã cho bà xem nhưng bà không đồng ý với bản chúc thư này vì bản chúc thư này không biết có phải của cụ Minh viết hay không. Bà đã được Tòa án giải thích quy định pháp luật về việc bà có quyền yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của cụ Minh trong bản chúc thư này nhưng bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của cụ Minh đối với bản chúc thư này.

Đến khoảng năm 2010 vợ chồng ông Thông xây dựng các công trình trên đất trong khuôn viên gia đình ông Thông quản lý, sử dụng như Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ. Ngoài ra ông Thông còn xây dựng một gian nhà cấp 4 và tường bao ở phía Đông đất vào khoảng năm 2012.

Sau khi cụ Minh chết khoảng 1-2 năm thì ông Tạo trở về thửa đất tranh chấp để xây dựng nhà 2 tầng và các công trình khác. Sau khi xây dựng xong nhà thì ông Tạo sinh sống trên đất còn vợ con ông Tạo thì chỉ thỉnh thoảng về. Khi ông Tạo xây dựng thì cụ Xuân vẫn sinh sống trên đất và sống trên gian nhà 3 gian cũ hiện nay vẫn còn.

Cụ Xuân chết năm 2009. Ông Thông có giao nộp bản chính bản di chúc của cụ Xuân ghi ngày 28/12/2008, bà xác định cụ Xuân không biết chữ nên không thể lập được bản di chúc này và bà không đồng ý với bản di chúc. Bà đã được Tòa án giải thích quy định pháp luật về việc bà có quyền yêu cầu giám định chữ viết và dấu vân tay trong bản di chúc này nhưng bà không yêu cầu giám định chữ viết, dấu vân tay của cụ Xuân trong bản di chúc này.

Bà xác định thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) có nguồn gốc của gia đình cụ Đỗ Ngọc Minh để lại cho cụ Minh và cụ Xuân.

Đến nay ông Thái yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích 677m² của Thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông

Anh, thành phố Hà Nội theo di chúc của cụ Minh để bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật vì các bản di chúc của cụ Minh và cụ Xuân viết bà không khẳng định được có phải của cụ Minh và cụ Xuân hay không. Bà đề nghị Tòa án chia cho bà bằng đất và bà đề nghị được hưởng chung với phần của bà Đỗ Thị Tân và bà Đỗ Thị Hiền và do bà đại diện nhận. Đối với các tài sản do cụ Minh, cụ Xuân xây dựng trên đất bà không yêu cầu chia thừa kế vì các tài sản này giá trị nhỏ nên nếu chia vào phần đất của ai thì người đó được hưởng.

- *Bà Đỗ Thị Tân và bà Đỗ Thị Hiền thống nhất trình bày:* đồng ý với ý kiến của bà Kim, ngoài ra các bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác. Các bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật và cho các bà được hưởng bằng đất và nhận chung với phần của bà Kim, do bà Kim đại diện nhận.

- *Bà Đỗ Thị Mai, Đỗ Thị Cúc và Đỗ Thị Chúc cùng thống nhất trình bày:* Các bà đồng ý với lời khai của ông Đỗ Đình Thái về quan hệ gia đình và nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đình Thái. Trong trường hợp các bà được hưởng thừa kế thì các bà đề nghị được hưởng bằng đất và nhận chung di sản thừa kế với ông Đỗ Đình Thái, do ông Đỗ Đình Thái đứng đại diện nhận.

- *Bà Vũ Thị Vân trình bày:* Bố đẻ bà là cụ Vũ Văn Xấu (không nhớ năm sinh, mất năm 2018), mẹ đẻ bà là cụ Vũ Thị Tấn (sinh năm 1934, chết ngày 15/5/2008). Bố mẹ bà kết hôn với nhau từ khoảng năm 1958, thời điểm đó khi kết hôn thì hai bên có tổ chức đám cưới không thì bà không biết. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì cụ Xấu và cụ Tấn sinh sống ở Thái Bình. Sau khi bà được khoảng 7 tháng tuổi thì mẹ đẻ bà là bà Tấn bỏ bố bà đi sinh sống ở nơi khác. Bà cũng được biết, có thời gian bố bà cũng đã đi tìm cụ Tấn nhưng do gia đình cụ Xấu không đồng ý để cụ Tấn quay về nhà với cụ Xấu nên từ đó bố mẹ bà không còn sinh sống với nhau nữa. Khi bà được mấy tháng tuổi thì bà đã được cho làm con nuôi của cụ Nguyễn Thị Tề và cụ Nguyễn Trọng Vạn. Cụ Tề và cụ Vạn sinh sống ở xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Còn bà được sinh ra ở xã Minh Lăng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Sau này khi làm khai sinh thì giấy khai sinh của bà ghi bố mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Tề và cụ Nguyễn Trọng Vạn. Giấy khai sinh do làm từ lâu nên bà không còn lưu giữ được nên bà đã liên hệ với chính quyền địa phương để xin cấp lại Giấy khai sinh cho bà như bà đã nộp cho Tòa án.

Sau khi cụ Tấn bỏ đi thì cụ Tấn vẫn thỉnh thoảng về nhà để thăm bà sau đó lại đi luôn. Bà cũng được biết mẹ bà sau khi bỏ đi thì đã lên Hà Nội và kết hôn

với cụ Đỗ Ngọc Minh (chết ngày 02/12/1996).

Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Lê Thị Xuân sinh được 5 người con lần lượt là: Ông Đỗ Đình Tạo; Bà Đỗ Thị Tân; Bà Đỗ Thị Kim; Ông Đỗ Đình Thông; Bà Đỗ Thị Hiền.

Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Vũ Thị Tấn sinh được 4 người con lần lượt là: Ông Đỗ Đình Thái; Bà Đỗ Thị Mai; Bà Đỗ Thị Cúc; Bà Đỗ Thị Chúc.

Thực tế bà là con riêng của cụ Tấn nhưng bà vẫn qua lại với gia đình cụ Minh và cụ Tấn chứ không có sự xa cách gì.

Về nguồn gốc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội: thửa đất có nguồn gốc như thế nào thì bà không nắm được vì bà là con riêng của cụ Tấn và chưa từng sinh sống trên thửa đất này.

Bà là con riêng của cụ Tấn nhưng đến nay bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh mình là con riêng của cụ Tấn. Bà Vân không yêu cầu Tòa án giám định ADN với cụ Tấn để chứng minh bà là con của cụ Tấn. Trong mọi trường hợp bà xác định bà không nhận bất kỳ di sản thừa kế nào của cụ Tấn liên quan đến thửa đất nói trên.

Theo kết quả định giá thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, diện tích 690,3 m² tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có trị giá 24.160.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Đỗ Đình Thái giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày và yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Ông đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bản chúc thư ngày 06/10 năm Bính Tý (16/11/1996) của cụ Đỗ Ngọc Minh và chia thừa kế theo nội dung bản di chúc này. Trong trường hợp theo quy định pháp luật không chấp nhận bản chúc thư mà phải chia thừa kế theo pháp luật thì ông Thái đề nghị được hưởng bằng hiện vật. Ông Thái đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của ông, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc và bà Đỗ Thị Chúc về việc đề nghị được hưởng chung một phần di sản thừa kế và do ông Thái là người đại diện nhận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Đình Thái đề nghị Hội đồng xét xử công nhận bản chúc thư ngày 06/10 năm Bính Tý (16/11/1996) của cụ Đỗ Ngọc Minh và chia thừa kế theo nội dung bản di chúc này. Đề nghị Hội đồng xét xử để ông Thái được hưởng thừa kế bằng hiện vật và ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Đỗ Thị Cúc, Đỗ Thị Chúc và Đỗ Thị Mai.

- Bị đơn là ông Đỗ Đình Thông giữ nguyên những ý kiến như đã trình bày, ông không biết ông Thái, bà Cúc, bà Chúc và bà Mai có phải là con cụ Minh hay

không, tuy nhiên ông cũng không đề nghị giám định AND. Thửa đất tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm (nay là xã Đông Anh) có nguồn gốc của gia đình cụ Minh nhưng đã được gia đình cho nên đây là tài sản chung của cụ Minh và cụ Xuân. Đến nay ông đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật và đồng ý bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim và bà Đỗ Thị Hiền thống nhất để lại phần di sản thừa kế cho ông và ông sẽ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với phần di sản thừa kế này. Về việc giữa ông với bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim và bà Đỗ Thị Hiền có thỏa thuận sẽ trả cho các bà số tiền 1.500.000.000 đồng, ông Thái không đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận hoặc giải quyết trong vụ án này vì đây là sự tự thỏa thuận của ông với bà Tân, bà Kim và bà Hiền.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Đình Thông đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thừa đất số 45 tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội là tài sản chung của cụ Minh và cụ Xuân. Trước khi chia thừa kế theo pháp luật đề nghị trích công sức của ông Thông và gia đình bằng một kỷ phần thừa kế. Ông Thông là người trên 60 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông Thông theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Vũ Thị Được, anh Đỗ Việt Hùng và chị Đỗ Thị Cẩm Hà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bà Được, anh Hùng, chị Hà đề nghị Hội đồng xét xử công nhận bản chúc thư ngày 06/10 năm Bính Tý (16/11/1996) của cụ Đỗ Ngọc Minh và chia thừa kế theo nội dung bản di chúc này và đề nghị được hưởng phần di sản thừa kế bằng hiện vật. Bà Vũ Thị Được xin được miễn án phí do hiện nay bà đã trên 60 tuổi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim và bà Đỗ Thị Hiền giữ nguyên những ý kiến trình bày như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, các bà đề nghị để lại phần di sản thừa kế mình được hưởng cho ông Đỗ Đình Thông, ông Thông phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với phần di sản thừa kế mà các bà để lại cho ông. Giữa ông Thông và các bà có thỏa thuận về việc ông Thông có trách nhiệm trả cho các bà số tiền 1.500.000.000 đồng nhưng đây là sự tự thỏa thuận của các bên nên các bà không yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận và giải quyết trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Cúc và bà Đỗ Thị Chúc đồng ý với lời khai của ông Đỗ Đình Thái, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái. Bà Cúc, bà Chúc đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận để bà Cúc, bà Chúc, bà Đỗ Thị Mai và ông Đỗ Đình Thái được hưởng chung phần thừa kế bằng hiện vật và do ông Thái đứng ra đại diện nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương và anh Đỗ

Việt Dũng đồng ý với ý kiến, yêu cầu của ông Đỗ Đình Thông. Bà Phương, anh Dũng đề nghị Hội đồng xét xử trích một phần công sức cho bà Phương và anh Dũng vì bà và anh đều có công sức tôn tạo và chăm sóc các cụ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến: về sự tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh về thừa kế 1990; Điều 649, 650, 651, 656 Bộ luật dân sự 2005; Điều: 623, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Đỗ Đình Thái đối với di sản thừa kế là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8 tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đối với di sản thừa kế là các tài sản trên đất các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 275/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đỗ Đình Thái về việc yêu cầu chia thừa kế đối với ông Đỗ Đình Thông và gia đình bà Vũ Thị Được.

1.1. Mở thừa kế lần thứ nhất: Xác định cụ Đỗ Ngọc Minh chết ngày 02/12/1996. Tài sản chung của cụ Minh và cụ Xuân có thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, diện tích 690,3 m² (trị giá 24.160.500.000 đồng) tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Thanh toán tài sản chung cụ Minh và cụ Xuân mỗi người có 1/2 = 12.080.250.000 đồng. Di sản thừa kế của cụ Minh được xác định = 12.080.250.000đ.

Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình ông Thông (gồm ông Thông, bà Phương, anh Dũng, anh Thành, chị Trang, chị Mai) = 1.080.250.000 đồng; Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình bà Được (gồm bà Được, chị Hà, anh Hùng, chị Huyền) = 500.000.000 đồng; Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho cụ Xuân = 500.000.000 đồng.

Phần di sản còn lại của cụ Minh là 10.000.000.000đ, chia thừa kế theo pháp luật cho (10 người) hàng thừa kế thứ nhất của cụ Minh gồm: Cụ Lê Thị Xuân, ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, ông Đỗ Đình Thái, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc -

kỷ phần mỗi người = 1.000.000.000 đồng.

1.2. Mở thừa kế lần thứ hai:

Xác định cụ Lê Thị Xuân chết ngày 19/4/2009. Di sản của cụ Xuân được xác định = 13.580.250.000đ (500.000.000đ trích công sức bảo quản tài sản của cụ Minh + 12.080.250.000đ thanh toán tài sản chung với cụ Minh + 1.000.000.000đ hưởng thừa kế của cụ Minh).

Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình ông Thông (gồm ông Thông, bà Phương, anh Dũng, anh Thành, chị Trang, chị Mai) = 1.080.250.000 đồng; Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình bà Được (gồm bà Được, chị Hà, anh Hùng, chị Huyền) = 500.000.000 đồng.

Phần di sản còn lại của cụ Xuân là 12.000.000.000đ, chia thừa kế theo pháp luật cho (5 người) hàng thừa kế thứ nhất của cụ Xuân gồm: Ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền - kỷ phần mỗi người = 2.400.000.000đ.

1.3. Như vậy sau khi trích công sức và 2 lần mở thừa kế chia di sản, các đương sự được hưởng và được chia như sau:

- Gia đình bà Được có 500.000.000đ (Được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Minh) + 1.000.000.000đ (Ông Tạo hưởng thừa kế di sản của cụ Minh) + 500.000.000đ (Được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Xuân) + 2.400.000.000đ (Ông Tạo hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân). Tổng cộng = 4.400.000.000đ.

- Gia đình ông Đỗ Đình Thông có 1.080.250.000đ (Được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Minh) + 1.000.000.000đ (Ông Thông hưởng thừa kế di sản của cụ Minh) + 1.080.250.000đ (Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Xuân) + 2.400.000.000đ (Ông Thông hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân). Tổng cộng = 5.560 500.000đ.

- Bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, mỗi người có 1.000.000.000đ (Các bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Minh) + 2.400.000.000đ (Các bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân). Tổng cộng = 10.200.000.000đ.

- Ông Đỗ Đình Thái, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc, mỗi người có 1.000.000.000đ (Các ông, bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Minh). Tổng cộng = 4.000.000.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Đỗ Thị Tân bà Đỗ Thị Hiền bà Đỗ Thị Kim để cho ông Thông hưởng di sản; Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc và bà Đỗ Thị Chúc để cho ông Đỗ Đình Thái hưởng di sản thừa kế.

2. Giao cụ thể cho các bên như sau:

2.1. Giao cho gia đình bà Vũ Thị Được sử dụng 245,4m² đất (trị giá 8.589.000.000 đồng - có sơ đồ kèm theo), tại thửa số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà 02 tầng trị giá: 538.202.056 đồng; bể nước ngầm trị giá: 10.587.600 đồng; sân gạch đỏ trị giá: 173.880 đồng; nhà cấp 4 trị giá: 23.007.800 đồng.

So với phần gia đình bà được chia là 4.400.000.000 đồng thì thừa 4.189.000.000 đồng. Bà Được và gia đình có trách nhiệm thanh toán cho ông Thông số tiền này.

2.2. Giao cho gia đình ông Đỗ Đình Thông sử dụng 269,4m² đất (trị giá 9.429.000.000 đồng - có sơ đồ kèm theo) tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà 02 tầng trị giá: 414.196.328 đồng; Nhà cấp 4 làm công trị giá: 9.430.920 đồng; Nhà mái bằng làm khu vệ sinh trị giá: 7.701.240 đồng; sân gạch đỏ trị giá: 3.316.140 đồng; tường bao đất trị giá: 8.085.973 đồng.

So với phần gia đình ông được chia là 15.600.000.000đ thì thiếu 6.171.000.000đ, ông Thông nhận số tiền thanh toán chênh lệch di sản của ông Thái là 2.142.500.000 đồng và bà Được là 4.189.000.000 đồng.

2.1 Giao cho ông Đỗ Đình Thái sử dụng 175,5m² đất (trị giá 6.142.500.000 đồng - có sơ đồ kèm theo), tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

So với phần ông được chia là 4.000.000.000 đồng thì thừa 2.142.500.000 đồng, ông Thái thanh toán chênh lệch di sản cho ông Thông số tiền này.

3. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án.

4. Buộc gia đình ông Thông tháo dỡ, di dời cây cối và các công trình trên phần đất của ông Thái được giao.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, Thi hành án.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Đình Thái kháng cáo toàn bộ bản án và bị đơn ông Đỗ Đình Thông kháng cáo kháng cáo 1 phần bản án, cụ thể yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

- Ông Thái yêu cầu:

+ Tuyên hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

+ Công nhận chúc thư của cụ Đỗ Ngọc Minh có hiệu lực pháp luật để chia thừa kế của cụ Minh theo nội dung chúc thư.

+ Cụ Vũ Thị Tấn kết hôn với cụ Minh hợp pháp, để được hưởng tài sản chung của cụ Minh theo Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 có hiệu lực ngày 13/01/1960 như cụ Lê Thị Xuân.

+ Xem xét cho bà Đỗ Thị Chúc (đã bỏ tiền xây tường bao) được hưởng công trông nom di sản của cụ Minh để lại tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội như bản án tuyên cho ông Tạo được hưởng $\frac{1}{2}$ suất kỹ phần thừa kế và giảm kỹ phần suất trông coi di sản cụ Xuân, ông Thông cụ thể mỗi người được $\frac{1}{2}$ suất kỹ phần thừa kế.

- Ông Đỗ Đình Thông: chỉ nhất trí với phần quyết định chia di sản theo quy định của pháp luật và yêu cầu:

+ Xem xét lại quan hệ huyết thống đối với anh em ông Đỗ Đình Thái là bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc. Ông Thông cho rằng các bà này không phải là con đẻ của cụ Đỗ Ngọc Minh.

+ Đề nghị kỹ phần thừa kế của ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim và bà Đỗ Thị Hiền và công sức thanh toán cho gia đình ông Thông được hưởng hoàn toàn bằng hiện vật tức là quyền sử dụng đất. Lý do: bản án sơ thẩm tuyên chia kỹ phần thừa kế và giao bằng hiện vật, có chênh lệch thì thanh toán bằng tiền. Trong đó, gia đình bà Vũ Thị Được phải thanh toán chênh lệch cho ông 4.189.000.000đ và ông Thái phải thanh toán chênh lệch cho ông 2.142.500.000đ. Nhưng hoàn cảnh của bà Được và ông Thái không thể có tiền để thanh toán chênh lệch cho ông được sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ngày 07/01/2026 và ngày 30/01/2026.

- Ông Đỗ Đình Thái và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông Đỗ Đình Thái có đơn đề nghị triệu tập người làm chứng;

- Bà Vũ Thị Được là bị đơn, và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của anh Đỗ Việt Hùng không có yêu cầu kháng cáo có bản tường trình và xuất trình Đơn xin xác nhận của bà Đỗ Thị Hà, bà Đỗ Thị Ngoan, ông Đỗ Thanh Nghị là những người biết được quá trình chung sống của cụ Minh, cụ Xuân, cụ Tấn. Đơn đề nghị của ông Đỗ Thanh Nghị đề nghị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan.

- Bị đơn ông Đỗ Đình Thông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa ngày 07/01/2026 ông Đỗ Đình Thông đề nghị giám định gen đối với các con của cụ Tấn để xác định ông Thái và các em ông Thái có phải là con của cụ Minh hay không.

Tại phiên toà ngày 30/01/2026, bị đơn ông Đỗ Đình Thông rút yêu cầu đề nghị giám định gen đối với các con của cụ Tấn.

- Người vệ quyền lợi ích hợp pháp của đơn trình bày luận cứ và đề nghị các đề nghị Hội đồng xét xử xác định công sức đóng góp của gia đình ông Thông bằng 02 kỷ phần thừa kế và được chia bằng hiện vật.

Bị đơn ông Đỗ Đình Thông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Đình Thái; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Đình Thông; áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 275/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo hướng: Ngoài diện tích đất 269,4m² đất gia đình ông Thông được giao theo quyết định của bản án sơ thẩm, giao thêm cho gia đình ông Thông một phần diện tích đất đảm bảo việc hưởng kỷ phần thừa kế của ông Thông và các bà Tân, Kim, Hiền là quyền sử dụng đất. Trường hợp, diện tích đất gia đình ông Thông được hưởng vẫn không đủ giá trị kỷ phần thừa kế thì gia đình bà Được và ông Thái phải thanh toán tiền chênh lệch di sản cho ông Thông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Đình Thái, bị đơn ông Đỗ Đình Thông, nộp trong hạn luật định và các đương sự kháng cáo thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí về hình thức là hợp lệ.

- Nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 296 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

- Về việc yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng của ông Đỗ Đình Thái và bà Vũ Thị Được và người kế thừa của anh Đỗ Việt Hùng; đề nghị của ông Đỗ

Thanh Nghị: Sau khi xem xét đơn và tài liệu kèm theo Hội đồng xét xử thấy đề nghị trên không có căn cứ nên không chấp nhận.

- Về thời hiệu chia thừa kế: Cụ Đỗ Ngọc Minh (chết ngày 02/12/1996) và cụ Lê Thị Xuân (chết ngày 19/4/2009). Theo Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về “Thời hiệu mở thừa kế” và Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao thì còn thời hiệu để các đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Minh và cụ Xuân.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Đình Thái và bị đơn ông Đỗ Đình Thông:

2.1.1. Xét kháng cáo của ông Đỗ Đình Thái:

- Về đề nghị Hội đồng xét xử xác định cụ Tấn là vợ hợp pháp của cụ Minh, nhận thấy: Trước khi chung sống với cụ Vũ Thị Tấn, cụ Đỗ Ngọc Minh đã có vợ là cụ Lê Thị Xuân và có 5 con chung, người lớn tuổi nhất là ông Đỗ Đình Tạo sinh năm 1952. Như vậy, việc cụ Minh, cụ Xuân có đăng ký kết hôn hay không thì theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội vẫn có căn cứ xác định cụ Minh và cụ Xuân là vợ chồng.

Đối với cụ Tấn, nhận thấy, cụ Minh và cụ Tấn không đăng ký kết hôn. Nguyên đơn xác định cụ Minh và kết hôn với cụ Tấn vào thời điểm trước năm 1959 và cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận của hai người làm chứng là ông Đỗ Hồng Đức và cụ Đỗ Văn Lâm, ngoài ra nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ có căn cứ pháp lý xác định cụ Minh và cụ Tấn kết hôn trước năm 1959.

Mặt khác thấy, cụ Tấn trước khi chung sống với cụ Minh cũng đã có một con riêng với chồng trước là bà Vũ Thị Vân sinh ngày 25/12/1958; cụ Minh và cụ Tấn có 4 con chung, người nhiều tuổi nhất ông Thái sinh năm 1963. Vì vậy không có căn cứ xác định cụ Minh và kết hôn với cụ Tấn vào thời điểm trước năm 1959 như lời khai của nguyên đơn mà có căn cứ xác định 2 cụ chung sống với nhau từ sau năm 1959 và khi đó Luật HNGĐ năm 1959 đã có hiệu lực pháp luật. Điều 1 Luật HNGĐ 1959 quy định: “*Nhà nước bảo đảm việc thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, một vợ một chồng...*” Điều 5 Luật HNGĐ năm 1959 quy định: “*Cấm người đang có vợ, có chồng kết hôn với người khác*”. Căn cứ vào các quy định trên, bản án dân sự sơ thẩm xác định cụ Vũ Thị Tấn không phải là vợ hợp pháp của cụ Đỗ Minh Minh nên không được hưởng di sản thừa kế của cụ Minh là phù hợp quy định của pháp luật. Từ phân tích trên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Đỗ Đình Thái.

- Về đề nghị công nhận chúc thư của cụ Minh có hiệu lực pháp luật, nhận thấy: Chúc thư của cụ Minh ngày 16/11/1996 có nội dung: *Gia đình tôi có 2 vợ,*

giai gái gồm 9 con đã trưởng thành cả. Tài sản tôi được hưởng thừa kế là 2 sào bắc bộ và tôi có làm được 3 gian nhà gạch. Tôi viết chúc thư này chia tài sản, đất ở cùng nhà cho các con tôi như sau: (1) Đỗ Đình Thông: Tây giáp nhà ông Lưu Ngọc Cư 1 phần; (2) Ông Đỗ Đình Tạo là con trưởng 1 phần ở giữa + ba gian nhà để thờ cúng tổ tiên là trách nhiệm + lúc tôi chết chịu trách nhiệm tổng chung; Còn phần thứ 3 giáp Công trường Đông Anh chia cho Vũ Thị Tấn, Đỗ Thị Chúc một phần để làm nơi đất ở. Di chúc được cụ Minh được viết tay 1 trang có chữ kí của cụ Minh.

Xét di chúc của cụ Minh, như phân tích trên cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Lê Thị Xuân là vợ chồng hợp pháp nên theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 thì đó là tài sản chung của cụ Minh và cụ Xuân, việc cụ Minh định đoạt toàn bộ tài sản là vượt quá phần quyền của cụ Minh. Mặt khác thấy, nội dung di chúc không xác định di sản để lại và nơi có di sản là vi phạm Điều 656 BLDS năm 1995, việc phân chia di sản thừa kế không rõ ràng, không có số đo các cạnh và diện tích cụ thể dẫn đến cách hiểu khác nhau, những người thừa kế không thống nhất cách hiểu nội dung di chúc, theo quy định tại Điều 676 BLDS 1995 thì coi như không có di chúc. Bản án sơ thẩm xác định di chúc của cụ Minh không hợp pháp là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Đỗ Đình Thái.

2.1.2. Xét kháng cáo của ông Đỗ Đình Thông:

- Về nội dung xem xét lại quan hệ huyết thống đối với ông Thái, bà Mai, bà Cúc, bà Chúc, nhận thấy: Để chứng minh là con của cụ Minh thì ông Thái, bà Mai, bà Cúc, bà Chúc đã cung cấp cho Tòa án giấy khai sinh của ông Thái, bà Mai, bà Cúc, bà Chúc đều thể hiện có bố là Đỗ Ngọc Minh. Các giấy khai sinh này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hiện vẫn có hiệu lực. Mặt khác, tại bản chúc thư ngày 16/11/1996 của cụ Minh xác định cụ có 2 vợ, và 9 con, cụ Minh cũng xác định 1 phần đất để cho cụ Tấn và bà Chúc. Tại bút lục số 205, ông Thông cũng thừa nhận đó là di chúc của cụ Minh và đề nghị công nhận bản di chúc này tức là thừa nhận việc cụ Minh có 9 con trong đó có bà Chúc. Tại phiên toà hôm nay ngày 30/01/2026 ông Thông lại không đề nghị giám định ADN của các ông bà nêu trên đồng thời các đương sự thống nhất xác định cụ Minh có 09 người con nên việc ông Thông không thừa nhận ông Thái, bà Mai, bà Cúc, bà Chúc là con của cụ Minh là không phù hợp. Bản án sơ thẩm căn cứ vào giấy khai sinh để xác định ông Thái, bà Mai, bà Cúc, bà Chúc là con của cụ Minh là có căn cứ.

- Về nội dung yêu cầu được hưởng 02 kỷ phần thừa kế và kỷ phần của ông và các bà Tân, Kim, Hiền và công sức được hưởng bằng hiện vật là quyền sử

dụng đất vì gia đình ông Thái và bà Được không có khả năng thanh toán tiền cho ông nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông.

Đối với kháng cáo về việc được hưởng công sức tôn tạo duy trì tài sản của ông Thông bằng 02 kỷ phần thừa kế: Nhận thấy, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ cùng lời khai tại phiên toà ngày hôm nay, Hội đồng xét xử thấy cấp sơ thẩm đánh giá công sức của các đương sự là phù hợp với thực tế và pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của ông Thông.

Đối với đề nghị được hưởng kỷ phần thừa kế bằng hiện vật mà không phải bằng thanh toán tiền.

Nhận thấy: Bản án sơ thẩm quyết định giao cho gia đình bà Được 245,4m²; bà Được phải thanh toán cho ông Thông 4.189.000.000đ tiền chênh lệch di sản; giao cho ông Thái 175,5m², ông Thái phải thanh toán cho ông Thông 2.142.500.000đ tiền chênh lệch di sản. Việc bản án quyết định gia đình bà Được và ông Thái phải thanh toán số tiền chênh lệch trên cho ông Thông là lớn, khó có khả năng thi hành án.

Bà Được cũng có lời khai *“đề nghị Tòa án chia để đảm bảo phần đất mà tôi và gia đình được hưởng đúng bằng giá trị di sản thừa kế mà chồng tôi là ông Tào được hưởng”* (tại bút lục số 92).

Xét diện tích đất của gia đình bà Được được giao theo quyết định của Bản án sơ thẩm vẫn còn diện tích đất trống phía trước và sau ngôi nhà bê tông 2 tầng, còn đối với nhà ông Thái thì chưa xây dựng công trình kiên cố gì. Vì vậy, việc giao thêm 1 phần diện tích đất cho gia đình ông Thông vẫn đảm bảo việc sử dụng đất của gia đình bà Được và ông Thái cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Thông.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét:

[2.2]. Về yêu cầu chia thừa kế:

2.2.1. Về quan hệ huyết thống:

Cụ Đỗ Ngọc Minh (chết ngày 02/12/1996 - để lại di chúc lập ngày 16/11/1996) có vợ cả là cụ Lê Thị Xuân (chết ngày 19/4/2009 - để lại di chúc lập ngày 28/12/2008) và chung sống như vợ chồng với cụ Vũ Thị Tấn (chết ngày 15/5/2008).

Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Lê Thị Xuân sinh được 5 người con là: Ông Đỗ Đình Tào (sinh năm 1952, chết năm 2010); Bà Đỗ Thị Tân, sinh năm 1954; Bà Đỗ Thị Kim, sinh năm 1957; Ông Đỗ Đình Thông, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị Hiền, sinh năm 1962.

Ông Đỗ Đình Tào có vợ là bà Vũ Thị Được (sinh năm 1949). Bà Được và

ông Tạo sinh được 3 người con là: Chị Đỗ Thị Cẩm Hà (sinh năm 1973); chị Đỗ Thị Thương Huyền (sinh năm 1977) và anh Đỗ Việt Hùng (sinh năm 1982, chết ngày 19/10/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Hùng là bà Vũ Thị Được, chị Nguyễn Thanh Tú, sinh năm 1995 và cháu Đỗ Duy Phúc, sinh ngày 10/8/2018);

Cụ Đỗ Ngọc Minh và cụ Vũ Thị Tấn sinh được 4 người con là: Ông Đỗ Đình Thái, sinh năm 1963; Bà Đỗ Thị Mai, sinh năm 1965; Bà Đỗ Thị Cúc, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị Chúc sinh năm 1975.

Cụ Vũ Thị Tấn có 01 con riêng là bà Vũ Thị Vân, sinh năm 1958.

2.2.2. *Về người thừa kế theo pháp luật:* được quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

+ Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Đỗ Ngọc Minh gồm 10 người là: 1. Cụ Lê Thị Xuân; 2. Ông Đỗ Đình Tạo. 3. Ông Đỗ Đình Thông; 4. Bà Đỗ Thị Tân; 5. Bà Đỗ Thị Kim; 6. Bà Đỗ Thị Hiền; 7. Ông Đỗ Đình Thái; 8. Bà Đỗ Thị Mai; 9. Bà Đỗ Thị Cúc; 10. Bà Đỗ Thị Chúc.

+ Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị Xuân gồm 5 người là: 1. Ông Đỗ Đình Tạo. 2. Ông Đỗ Đình Thông; 3. Bà Đỗ Thị Tân; 4. Bà Đỗ Thị Kim; 5. Bà Đỗ Thị Hiền.

2.2.3. *Về di sản thừa kế:*

Thửa đất (hiện nay đang có tranh chấp trong vụ án) số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) có nguồn gốc của gia đình cụ Đỗ Ngọc Minh để lại từ đời này sang đời khác. Trên đất có nhà 3 gian do các cụ xây dựng từ trước; Cụ Minh, cụ Xuân và cụ Tấn đều cùng chung sống và sinh ra những người con chung trên thửa đất này. Sau khi cụ Minh chết khoảng 1-2 năm thì ông Tạo xây dựng nhà 2 tầng, cụ Xuân vẫn ở tại gian nhà 3 gian. Đến năm 2009, ông Tạo kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà Chúc có đơn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được thực hiện. Năm 2010, ông Thông xây dựng nhà 02 tầng 1 tum trên đất lúc này cụ Xuân và cụ Tấn đã chết.

Tài liệu quản lý đất đai do UBND xã Mai Lâm cung cấp: Theo bản đồ 299 năm 1986 thể hiện là thửa số 45, tờ bản đồ số 8, thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Theo Bản đồ địa chính lập năm 1994 thể hiện là thửa số 45, tờ bản đồ số 8, diện tích 677m² tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trên bản đồ ký hiệu “T” (được hiểu là đất thổ cư). Kèm theo bản đồ là sổ mục kê thể hiện là thửa số 145; Tên chủ sử dụng đất: Đỗ Ngọc Minh; Diện tích: Thổ cư 677m² (đo thực tế 690,3m²).

Hiện trạng sử dụng được hình thành làm 3 khuôn viên do gia đình ông Thông, gia đình ông Tạo và còn lại một phần có nhà cấp 4, việc chia tách do các gia đình tự thỏa thuận nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận. Như vậy cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 690,3m² là tài sản, di sản có tranh chấp là có cơ sở.

Như đã phân tích nguồn gốc đất của gia đình cụ Đỗ Ngọc Minh để lại từ đời này sang đời khác gia đình cụ Minh sinh sống và sử dụng từ trước cho đến nay; Theo bản đồ 299 năm 1986 ghi tên chủ sử dụng đất là cụ Đỗ Ngọc Minh, cụ Minh và cụ Xuân được xác định là hôn nhân hợp pháp, cụ Minh chết trước cụ Xuân do đó cần xác định và phân chia tài sản chung trước khi chia di sản thừa kế.

2.2.4. Về thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất:

Cụ Đỗ Ngọc Minh chết ngày 02/12/1996. Mở thừa kế lần thứ nhất: Chia di sản thừa kế của cụ Minh cho 10 người ở hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật là cụ Minh là: Cụ Lê Thị Xuân, ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, ông Đỗ Đình Thái, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc, mỗi người hưởng = 1/10.

Cụ Lê Thị Xuân chết ngày 19/04/2009. Mở thừa kế lần thứ hai: Chia di sản thừa kế của cụ Xuân cho hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật của cụ Xuân gồm 5 người là: Ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, mỗi người hưởng = 1/5.

Giao bằng hiện vật cho gia đình ông Thông, gia đình bà Được và ông Thái. tiền chênh lệch tài sản, di sản các bên thanh toán cho nhau bằng tiền.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Đỗ Thị Tân bà Đỗ Thị Hiền bà Đỗ Thị Kim để cho ông Thông hưởng di sản thừa kế; bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc và bà Đỗ Thị Chúc để cho ông Đỗ Đình Thái đại diện hưởng di sản thừa kế.

Cụ thể:

** Mở thừa kế lần thứ nhất:*

Xác định cụ Đỗ Ngọc Minh chết ngày 02/12/1996. Tài sản chung của cụ Minh và cụ Xuân là thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, diện tích 690,3m², trị giá 24.160.500.000đ (*Hai mươi tư tỷ một trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).

Thanh toán tài sản chung cụ Minh và cụ Xuân mỗi người có 1/2 = 12.080.250.000đ (*Mười hai tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Di sản thừa kế của cụ Minh được xác định = 12.080.250.000đ (*Mười hai tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình ông Thông (gồm ông Thông, bà Phương, anh Dũng, anh Thành, chị Trang, chị Mai) =

1.080.250.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình bà Được (gồm bà Được, chị Hà, anh Hùng, chị Huyền) = 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*); Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho cụ Xuân = 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Phần di sản còn lại của cụ Minh là 10.000.000.000đ (*Mười tỷ đồng*), chia thừa kế theo pháp luật cho (10 người) hàng thừa kế thứ nhất của cụ Minh gồm: Cụ Lê Thị Xuân, ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, ông Đỗ Đình Thái, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc - kỹ phần mỗi người = 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*).

** Mở thừa kế lần thứ hai:*

Xác định cụ Lê Thị Xuân chết ngày 19/4/2009. Di sản của cụ Xuân được xác định = 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) hưởng thừa kế của cụ Minh + 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) trích công sức bảo quản tài sản của cụ Minh + 12.080.250.000đ (*Mười hai tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) thanh toán tài sản chung với cụ Minh = 13.580.250.000đ (*Mười ba tỷ năm trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình ông Thông (gồm ông Thông, bà Phương, anh Dũng, anh Thành, chị Trang, chị Mai) = 1.080.250.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình bà Được (gồm bà Được, chị Hà, anh Hùng, chị Huyền) = 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Phần di sản còn lại của cụ Xuân là 12.000.000.000đ (*Mười hai tỷ đồng*), chia thừa kế theo pháp luật cho (05 người) hàng thừa kế thứ nhất của cụ Xuân gồm: Ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền - kỹ phần mỗi người = 2.400.000.000đ (*Hai tỷ bốn trăm triệu đồng*).

Như vậy sau khi trích công sức và 2 lần mở thừa kế chia di sản, các đương sự được hưởng và được chia như sau:

- Gia đình bà Được có 500.000.000đ (phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Minh) + 1.000.000.000đ (phần ông Tạo hưởng thừa kế di sản của cụ Minh) + 500.000.000đ (phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Xuân) + 2.400.000.000đ (phần ông Tạo hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân). Tổng cộng = **4.400.000.000đ** (*Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*).

- Gia đình ông Đỗ Đình Thông có 1.080.250.000đ (phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Minh) + 1.000.000.000đ (phần ông Thông

hưởng thừa kế di sản của cụ Minh) + 1.080.250.000đ (phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Xuân) + 2.400.000.000đ (phần ông Thông hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân). Tổng cộng = **5.560.500.000đ** (Năm tỷ năm trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, mỗi người có 1.000.000.000đ (phần các bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Minh) + 2.400.000.000đ (phần các bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân). Tổng cộng = **10.200.000.000đ** (Mười tỷ hai trăm triệu đồng).

- Ông Đỗ Đình Thái, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc, mỗi người có 1.000.000.000đ (phần các ông, bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Minh). Tổng cộng = **4.000.000.000đ** (Bốn tỷ đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Đỗ Thị Tân bà Đỗ Thị Hiền bà Đỗ Thị Kim để cho ông Thông hưởng di sản; Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc và bà Đỗ Thị Chúc để cho ông Đỗ Đình Thái đại diện hưởng di sản thừa kế.

2.2.5. Giao cụ thể cho các bên như sau:

* Giao cho gia đình bà Vũ Thị Được sử dụng 169,5m² đất, trị giá 5.932.500.000đ (Năm tỷ chín trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), được giới hạn bởi các điểm: 10,11,12,13,14,10 (có sơ đồ kèm theo), tại thửa số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà 02 tầng 01 tum trị giá: 538.202.056đ (Năm trăm ba mươi tám triệu hai trăm linh hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng); Bể nước ngầm trị giá: 10.587.600đ (Mười triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); Sân gạch đỏ trị giá: 173.880đ (Một trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm tám mươi đồng); Nhà cấp 4 trị giá: 23.007.800đ (Hai mươi ba triệu không trăm linh bảy nghìn tám trăm đồng).

So với phần gia đình bà Được được chia là 4.400.000.000đ (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng) thì thừa 1.532.500.000đ (Một tỷ, năm trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

* Giao cho gia đình ông Đỗ Đình Thông sử dụng 405,8m² đất, trị giá 14.203.000.000 đồng (Mười bốn tỷ hai trăm linh ba triệu đồng), được giới hạn bởi các điểm: 3,4,5,6,7,8,9,10,14,13,12,3 (có sơ đồ kèm theo) tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà 02 tầng trị giá: 414.196.328đ (Bốn trăm mười bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); Nhà cấp 4 làm cổng trị giá:

9.430.920đ (Chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi đồng); Nhà mái bằng làm khu vệ sinh trị giá: 7.701.240đ (Bảy triệu bảy trăm linh một nghìn hai trăm bốn mươi đồng); Sân gạch đỏ trị giá: 3.316.140đ (Ba triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm bốn mươi đồng); Tường bao trị giá: 8.085.973đ (Tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

So với phần gia đình ông Thông được chia là 15.760.000.000đ (Mười năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) thì còn thiếu 1.557.500.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

* Giao cho ông Đỗ Đình Thái sử dụng 115,0m² đất, trị giá 4.025.000.000đ (Bốn tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng), được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,12,11,1 (có sơ đồ kèm theo), tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).

So với phần ông Thái được chia là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) thì thừa 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu).

2.2.6. Về thanh toán chênh lệch:

Gia đình ông Đỗ Đình Thái phải thanh toán cho ông Thông là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu).

Gia đình bà Vũ Thị Được phải thanh toán cho ông Thông là 1.532.500.000đ (Một tỷ, năm trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[2.3]. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án.

[2.4]. Buộc gia đình ông Thông tháo dỡ, di dời cây cối và các công trình trên phần đất của ông Thái được giao.

[2.5]. Xét các yêu cầu khác:

Không chấp nhận những lời trình bày và yêu cầu khác của các đương sự cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Đình Thông; không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Đình Thái và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 275/2023/DSST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội theo hướng phân tích trên.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

+ Ông Đỗ Đình Thái là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Tuy nhiên ông Thái phải chịu phần án phí có giá ngạch khi được hưởng phần di sản của bà Đỗ Thị Chúc và bà Đỗ Thị Cúc.

+ Ông Đỗ Đình Thông và bà Nguyễn Thị Phương, bà Vũ Thị Được, bà Đỗ Thị Hiền, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Tân là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

- *Án phí phúc thẩm*: Ông Đỗ Đình Thái và ông Đỗ Đình Thông là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2; khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 468, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Đình Thông;
2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Đình Thái;
3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 275/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội, cụ thể như sau:

3.1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đỗ Đình Thái về việc yêu cầu chia thừa kế đối với ông Đỗ Đình Thông và gia đình bà Vũ Thị Được.

3.1.1. Mở thừa kế lần thứ nhất:

Xác định cụ Đỗ Ngọc Minh chết ngày 02/12/1996. Tài sản chung của cụ Minh và cụ Xuân có thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, diện tích 690,3m², trị giá 24.160.500.000đ (Hai mươi tư tỷ một trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng) tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Xác định tài sản chung cụ Minh và cụ Xuân mỗi người có 1/2 = 12.080.250.000đ (Mười hai tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Di sản thừa kế của cụ Minh được xác định = 12.080.250.000đ (Mười hai tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình ông Thông (gồm ông Thông, bà Phương, anh Dũng, anh Thành, chị Trang, chị Mai) =

1.080.250.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình bà Được (gồm bà Được, chị Hà, anh Hùng, chị Huyền) = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho cụ Xuân = 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Phần di sản còn lại của cụ Minh là **10.000.000.000đ** (Mười tỷ đồng), chia thừa kế theo pháp luật cho (10 người) hàng thừa kế thứ nhất của cụ Minh gồm: Cụ Lê Thị Xuân, ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, ông Đỗ Đình Thái, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc - kỹ phần mỗi người = 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

3.1.2. Mở thừa kế lần thứ hai:

Xác định cụ Lê Thị Xuân chết ngày 19/4/2009. Di sản của cụ Xuân được xác định = 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) hưởng thừa kế của cụ Minh + 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) trích công sức bảo quản tài sản của cụ Minh + 12.080.250.000đ (Mười hai tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) thanh toán tài sản chung với cụ Minh = 13.580.250.000đ (Mười ba tỷ năm trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình ông Thông (gồm ông Thông, bà Phương, anh Dũng, anh Thành, chị Trang, chị Mai) = 1.080.250.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản cho gia đình bà Được (gồm bà Được, chị Hà, anh Hùng, chị Huyền) = 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng)

Phần di sản còn lại của cụ Xuân là **12.000.000.000đ** (Mười hai tỷ đồng), chia thừa kế theo pháp luật cho (5 người) hàng thừa kế thứ nhất của cụ Xuân gồm: Ông Đỗ Đình Tạo, ông Đỗ Đình Thông, bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền - kỹ phần mỗi người = 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

3.1.3. Như vậy sau khi trích công sức và 2 lần mở thừa kế chia di sản, các đương sự được hưởng và được chia như sau:

- Gia đình bà Vũ Thị Được có 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Minh + 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) phần ông Tạo hưởng thừa kế di sản của cụ Minh) + 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Xuân) + 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) phần ông Tạo hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân. Tổng cộng = **4.400.000.000đ** (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Gia đình ông Đỗ Đình Thông có 1.080.250.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Minh + 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) phần ông Thông hưởng thừa kế di sản của cụ Minh + 1.080.250.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) phần được trích công sức tôn tạo và bảo quản di sản của cụ Xuân + 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) phần ông Thông hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân. Tổng cộng = **5.560.500.000đ** (Năm tỷ năm trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Hiền, mỗi người có 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) phần các bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Minh + 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) phần các bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Xuân. Tổng cộng = **10.200.000.000đ** (Mười tỷ hai trăm triệu đồng).

- Ông Đỗ Đình Thái, bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc, bà Đỗ Thị Chúc, mỗi người có 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) phần các ông, bà được hưởng thừa kế di sản của cụ Minh. Tổng cộng = **4.000.000.000đ** (Bốn tỷ đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Tân, bà Đỗ Thị Hiền, bà Đỗ Thị Kim để cho ông Thông hưởng di sản thừa kế; Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Mai, bà Đỗ Thị Cúc và bà Đỗ Thị Chúc để cho ông Đỗ Đình Thái đại diện hưởng di sản thừa kế.

3.1.4. Giao cụ thể cho các bên như sau:

* Giao cho gia đình bà Vũ Thị Được sử dụng 169,5m² đất, trị giá 5.932.500.000đ (Năm tỷ chín trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), được giới hạn bởi các điểm: 10,11,12,13,14,10 (có sơ đồ kèm theo), tại thửa số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà 02 tầng 01 tum trị giá: 538.202.056đ (Năm trăm ba mươi tám triệu hai trăm linh hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng); Bể nước ngầm trị giá: 10.587.600đ (Mười triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); Sân gạch đỏ trị giá: 173.880đ (Một trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm tám mươi đồng); Nhà cấp 4 trị giá: 23.007.800đ (Hai mươi ba triệu không trăm linh bảy nghìn tám trăm đồng).

So với phần gia đình bà Được được chia là 4.400.000.000đ (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng) thì thừa 1.532.500.000đ (Một tỷ, năm trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

* Giao cho gia đình ông Đỗ Đình Thông sử dụng 405,8m² đất, trị giá 14.203.000.000 đồng (Mười bốn tỷ hai trăm linh ba triệu đồng), được giới hạn

bởi các điểm: 3,4,5,6,7,8,9,10,14,13,12,3 (có sơ đồ kèm theo) tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội) và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà 02 tầng trị giá: 414.196.328đ (Bốn trăm mười bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng); Nhà cấp 4 làm công trị giá: 9.430.920đ (Chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn chín trăm hai mươi đồng); Nhà mái bằng làm khu vệ sinh trị giá: 7.701.240đ (Bảy triệu bảy trăm linh một nghìn hai trăm bốn mươi đồng); Sân gạch đỏ trị giá: 3.316.140đ (Ba triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm bốn mươi đồng); Tường bao trị giá: 8.085.973đ (Tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

So với phần gia đình ông Thông được chia là 15.760.000.000đ (Mười năm tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) thì còn thiếu 1.557.500.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

* Giao cho ông Đỗ Đình Thái sử dụng 115,0m² đất, trị giá 4.025.000.000đ (Bốn tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng), được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,12,11,1 (có sơ đồ kèm theo), tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).

So với phần ông Thái được chia là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) thì thừa 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu).

3.1.5. Về thanh toán chênh lệch:

Gia đình ông Đỗ Đình Thái phải thanh toán cho ông Đỗ Đình Thông là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu).

Gia đình bà Vũ Thị Được phải thanh toán cho ông Thông là 1.532.500.000đ (Một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3.2. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án.

3.3. Buộc gia đình ông Đỗ Đình Thông tháo dỡ, di dời cây cối và các công trình trên phần đất của ông Đỗ Đình Thái được giao.

3.4. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Đình Thái là người cao tuổi nên được miễn án phí. Tuy nhiên ông Thái phải chịu phần án phí có giá ngạch khi được hưởng phần di sản của bà Chúc và bà Cúc là 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 3.760.000đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) đã nộp

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046464 ngày 09/05/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Hà Nội). Ông Thái còn phải nộp tiếp 68.240.000đ (Sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Ông Đỗ Đình Thông và bà Nguyễn Thị Phương, bà Vũ Thị Được, bà Đỗ Thị Hiền, bà Đỗ Thị Kim, bà Đỗ Thị Tân được miễn án phí theo quy định pháp luật.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Đình Thái và ông Đỗ Đình Thông là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ đối với khoản tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND Khu vực 7-HN;
- THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh

